

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM YÊN
TỈNH TUYÊN QUANG
Bản án số: **283/2022/HNGĐ-ST**
Ngày 12 - 9 - 2022

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

*“Về việc: Yêu cầu tuyên bố không
công nhận quan hệ vợ chồng”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Đức Tùng.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hoàng Văn Thiết.

2. Bà Ma Thị Như Trang.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Phạm Thị Hồng Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện
Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia
phiên tòa:* Bà Vũ Phương Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 12/9/2022 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Yên mở phiên toà xét
xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 166/2022/TLST-HNGĐ ngày 13/6/2022
về việc “*Yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng*”, theo Quyết định đưa
vụ án ra xét xử số 50/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26/8/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1986.

- Bị đơn: Anh Trần Văn Q, sinh năm 1981.

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

*(Chị H, anh Q đều vắng mặt tại phiên tòa và
có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Trần Văn Q chung sống với nhau từ năm
2002 đến nay, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của
địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Việc chị và
anh Q chung sống với nhau là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Quá trình
chung sống chị và anh Q sống hạnh phúc bình thường đến năm 2019 thì bắt đầu xảy
ra mâu thuẫn kể từ đó cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách giữa chị với
anh Q không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến thường
xuyên cãi chửi nhau, mỗi lần anh Q đi uống rượu về thì thường đánh đập chị nên tình
cảm không còn yêu thương nhau nữa, không tôn trọng nhau. Chị và anh Q cũng sống
ly thân nhau từ năm 2021 đến nay không ai còn quan tâm, chăm sóc, yêu thương gì

đến nhau nữa. Chị xác định không còn tình cảm với anh Q, mâu thuẫn giữa chị với anh Q đã căng thẳng, trầm trọng, chị đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị với anh Trần Văn Q theo quy định của pháp luật.

- *Về con chung*: Chị và anh Trần Văn Q có 02 con chung là cháu Trần Thị C, sinh ngày 08/4/2004 và cháu Trần Văn T, sinh ngày 10/5/2007.

Hiện nay cháu Trần Thị C đã đủ 18 tuổi trưởng thành, sức khỏe phát triển bình thường và có khả năng tự lao động được nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; Đối với cháu Trần Văn T chị nhất trí để anh Q được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi trưởng thành. Chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Quang.

- *Về tài sản chung, đất đai chung*: Chị H xác định quá trình chung sống chị và anh Trần Văn Q có một số tài sản chung, đất đai chung nhưng tự thỏa thuận chia, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Về công nợ chung*: Chị H xác định quá trình chung sống chị và anh Trần Văn Q không vay nợ ai, không cho ai vay nợ nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

*** *Tại Biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Trần Văn Q trình bày:***

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh và chị Trần Thị H chung sống với nhau từ năm 2002 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Việc anh và chị H chung sống với nhau là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Quá trình chung sống anh và chị H sống hạnh phúc bình thường đến năm 2019 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách giữa anh và chị H không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau, không tôn trọng nhau. Thực tế anh và chị H đã sống ly thân nhau từ năm 2021 đến nay không ai còn quan tâm, chăm sóc, yêu thương gì đến nhau nữa. Anh xác định không còn tình cảm với chị H, mâu thuẫn giữa anh và chị H đã căng thẳng, trầm trọng. Nay chị H đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị H thì anh nhất trí, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Về con chung*: Anh và chị Trần Thị H có 02 con chung là cháu Trần Thị C, sinh ngày 08/4/2004 và cháu Trần Văn T, sinh ngày 10/5/2007.

Hiện nay cháu Trần Thị C đã đủ 18 tuổi trưởng thành, sức khỏe phát triển bình thường và có khả năng tự lao động được nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết; Đối với cháu Trần Văn T anh đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi trưởng thành. Anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

- *Về tài sản chung, đất đai chung*: Anh Q xác định quá trình chung sống anh và chị Trần Thị H có một số tài sản chung, đất đai chung nhưng tự thỏa thuận chia, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Về công nợ chung*: Anh Q xác định quá trình chung sống anh và chị Trần Thị H không vay nợ ai, không cho ai vay nợ nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị H và anh Q cùng vắng mặt và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị H và anh Q cùng giữ nguyên ý kiến đã trình bày nêu trên, không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì khác.

Tòa án tiến hành lấy lời khai của cháu Trần Văn T, sinh ngày 10/5/2007 (là con chung của chị H và anh Q), cháu Trần Văn T trình bày: Khi bố mẹ giải quyết ly hôn, cháu có nguyện vọng muốn ở với bố cháu là Trần Văn Q. Cháu tự nguyện ở với bố cháu, không bị ai ép buộc gì.

Tòa án tiến hành xác minh tại UBND xã Hùng Đức, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang ngày 20/8/2022 kết quả như sau: Qua kiểm tra Sổ đăng ký kết hôn lưu tại UBND xã Hùng Đức, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang từ năm 2000 đến nay (ngày 20/8/2022) không thể hiện việc chị Trần Thị H có đăng ký kết hôn với anh Trần Văn Q.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Đối với việc chấp hành các quy định của pháp luật đối với nguyên đơn đều thực hiện tốt; Bị đơn đôi khi chưa chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật khi Tòa án triệu tập đến giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 9, các Điều 14, 53, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên xử không công nhận chị Trần Thị H và anh Trần Văn Q là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cháu Trần Văn T, sinh ngày 10/5/2007 cho anh Trần Văn Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; Chị Trần Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Q và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở; Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

- Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật; Anh Trần Văn Q không phải chịu án phí.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo bản án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Chị Trần Thị H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Trần Văn Q nên xác định đây là vụ án “Yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng” theo quy định tại Điều 28 Bộ luật

Tổ tụng dân sự; Theo thông tin Tòa án xác minh thì hiện nay bị đơn anh Trần Văn Q là công dân có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Tuyên Quang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại Điều 39 Bộ luật Tổ tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Thị H và anh Trần Văn Q chung sống với nhau từ năm 2002 đến nay, trước khi chung sống anh chị được tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Q là không hợp pháp. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý*” và tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số: 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội quy định: “*Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01/01/2003 trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn nhưng có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết. Từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng*”. Như vậy, chị H và anh Q chung sống với nhau từ năm 2002 đến nay không có đăng ký kết hôn mặc dù có đủ điều kiện kết hôn, xong các bên không thực hiện nghĩa vụ đăng ký kết hôn mà vẫn chung sống cùng nhau là hôn nhân bất hợp pháp, không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Thực tế chị H và anh Q đã sống ly thân nhau từ năm 2021 đến nay, trong thời gian sống ly thân nhau chị H và anh Q không quan tâm, chăm sóc gì đến nhau, vì vậy chị H làm đơn yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị với anh Trần Văn Q. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên cũng đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh Q. Xét thấy yêu cầu của chị Trần Thị H và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Do vậy, Hội đồng xét xử cần xử không công nhận chị Trần Thị H và anh Trần Văn Q là vợ chồng là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội và khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. *Về con chung*: Chị Trần Thị H và anh Trần Văn Q có hai người con chung là cháu Trần Thị C, sinh ngày 08/4/2004 và cháu Trần Văn T, sinh ngày 10/5/2007.

Hiện nay cháu Trần Thị C đã đủ 18 tuổi trưởng thành, sức khỏe phát triển bình thường và có khả năng tự lao động được, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Đối với cháu Trần Văn T: Anh Trần Văn Q đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi trưởng thành và anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh; Chị Trần Thị H cũng nhất trí để anh Q được trực tiếp nuôi cháu T đến khi trưởng thành và chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Q. Để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của cháu T,

qua xem xét ý kiến của chị H, anh Q và cháu T. Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao cháu Trần Văn T, sinh ngày 10/5/2007 cho anh Trần Văn Q trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4]. *Về tài sản chung, đất đai chung*: Chị Trần Thị H và anh Trần Văn Q cùng xác định có một số tài sản chung, đất đai chung nhưng tự thỏa thuận chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5]. *Về công nợ chung*: Chị Trần Thị H và anh Trần Văn Q cùng xác định không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6]. *Về án phí*: Chị Trần Thị H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 9, các Điều 14, 53, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Trần Thị H và anh Trần Văn Q là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Văn T, sinh ngày 10/5/2007 cho anh Trần Văn Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; Chị Trần Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Q và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở; Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

3. Về án phí: Chị Trần Thị H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004839 ngày 13/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Chị Trần Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

+ Anh Trần Văn Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị H và anh Trần Văn Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- UBND xã Hùng Đức (Để biết);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Tùng

